BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 06: Từ 02/09 Đến 08/09/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVCT1	62TVĐC10_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 02/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 03/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 04/09	Sáng	1																			
		2		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)					Kế toán hành chính sự nghiệp Ngô Thị Tâm (H3.207)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_Thí Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		
		3																			
		4													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		5																			
	Chiều	6																			
		7			Robot công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)			Mài, gia công cắt dây Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp IV Lương Thị Hương (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)		Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)	PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)		Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)		Ngữ văn 3 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.104)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tính ()
		8																			
		9											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				
		10																			

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVCT1	62TVĐC10_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 05/09	Sáng	1		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (K23.207 Phòng học Điều khiển lập trình)					Kế toán hành chính sự nghiệp Ngô Thị Tâm (H3.207)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_Trí Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Dương Mạnh Hà (X11.208 PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			Robot công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (K23.202 Phòng học Máy điện)			Mài, gia công cắt dây Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp IV Lương Thị Hương (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_Trí Đồng cơ + SẢNH TẦNG 2)		Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)		Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tính ()
		7											Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)		
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 06/09	Sáng	1		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (K23.207 Phòng học Điều khiển lập trình)					Kế toán hành chính sự nghiệp Ngô Thị Tâm (H3.207)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_Trí Tin Đại cương)					Vật lý 3 Phạm Thanh Mai ()	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai ()			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Dương Mạnh Hà (X11.208 PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		
		2													Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)					
		3																			
		4													Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					
		5																			
	Chiều	6			Robot công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (K23.202 Phòng học Máy điện)			Mài, gia công cắt dây Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_Trí Đồng cơ + SẢNH TẦNG 2)		Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)		Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
		7																			
		8											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)		Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		
		9																			
		10																			
Thứ 7 07/09	Sáng	1													Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Dương Mạnh Hà (X11.208 PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		
		2																			
		3													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		4													Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)					
		5																			
	Chiều	6											Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		
		7																			
		8																			
		9																Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 06: Từ 02/09 Đến 08/09/2024

LỚP			62TVDC1	62TVDC2	62TVDC3	62TVDC4	62TVDC5_BX	62TVDC6_BX	62TVDC7_YL	62TVDC8_YL	62TVDC9_YL	62TVDH1_YL	62TVDH2_YL	62TVDL1	62TVDL2	62TVDL3	62TVDL4_VT	62TVDT1	62TVDT2	62TVDT3	62TVDT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 02/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 03/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 04/09	Sáng	1	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)												Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)		Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Minh Khang (X22.109)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	
		2																			
		3	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		4	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)																	
		5														Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	
	Chiều	6			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)					Điều khiển điện - khí nén Đoàn Mạnh Hà ()			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)	
		7																			
		8			Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)		
		9													Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)		
		10												Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.403)			

LỚP			62TVDC1	62TVDC2	62TVDC3	62TVDC4	62TVDC5_BX	62TVDC6_BX	62TVDC7_YL	62TVDC8_YL	62TVDC9_YL	62TVDH1_YL	62TVDH2_YL	62TVDL1	62TVDL2	62TVDL3	62TVDL4_VT	62TVDT1	62TVDT2	62TVDT3	62TVDT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 05/09	Sáng	1	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)												Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)		Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Minh Khang (X22.109)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	
		2	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)																	
		3	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		4														CCD Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				CCD Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		5	CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)																	
	Chiều	6			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)					Điều khiển điện - khí nén Đoàn Mạnh Hà ()			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)	
		7			CCD Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCD Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								CCD Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			CCD Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)		
		8			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCD Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				CCD Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)			
		9			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)		
		10																			
Thứ 6 06/09	Sáng	1	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)		Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	
		2													Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	
		3	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)																	
		4													Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		5	CCD Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCD Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)																	
	Chiều	6			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)			Điều khiển điện - khí nén Hoàng Văn Hùng ()	Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tỉnh ()				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)	
		7																			
		8			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)			
		9												Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)			
		10			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)															
Thứ 7 07/09	Sáng	1													Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		2													CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCD Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCD Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		3													CCD Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCD Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	
		4													Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	
		5														Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	
	Chiều	6	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)			Điều khiển điện - khí nén Hoàng Văn Hùng ()	Điều khiển điện - khí nén Nguyễn Văn Tỉnh ()				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)			
		7																			
		8	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hoa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hoa (H5.403)			
		9												Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)			
		10	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)															

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 06: Từ 02/09 Đến 08/09/2024

LỚP			62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 02/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 03/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 04/09	Sáng	1								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Lê Ngọc Viễn (KT1.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)
		2																			
		3								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.106)	Địa lí 12_3 Khổng Thị An Giang (H5.106)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)		
		4								Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.407)		
		5																Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)		
	Chiều	6			Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)					Bán hàng Trần Huy Quảng (H3.206)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTKS)				Ktra: Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi -1-1-2024(N03) Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		7																			
		8			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		9						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)											CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	
		10																		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	

LỚP			62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 05/09	Sáng	1											Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	
		2											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền ()	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền ()					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Lê Ngọc Viên (K11.206 PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)
		3											Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		4											Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		5																			
	Chiều	6			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)				Bán hàng Trần Huy Quảng (H3.206)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)
		7			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
		8						CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)											
		9			Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		10			CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)																CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
Thứ 6 06/09	Sáng	1				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Chu Mạnh Vinh ()	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()											Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Lê Ngọc Viên (K11.206 PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)
		2																			
		3																Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
		4																	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)		
		5																CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)		
	Chiều	6			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tình (H5.101)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tình (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)
		7				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Chu Mạnh Vinh ()	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)							
		8			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9						Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)						
		10			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)							Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)
Thứ 7 07/09	Sáng	1								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hoa (H5.102)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hoa (H5.102)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	
		2				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Chu Mạnh Vinh ()	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()			Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)						
		3								Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.102)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_3 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.102)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	
		4																			
		5								CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.102)					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.102)			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	
	Chiều	6			Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)									Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		7				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Chu Mạnh Vinh ()	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()												Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
		8			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)												Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9																	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		
		10			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)									CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 06: Từ 02/09 Đến 08/09/2024

LỚP			62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CBC1	63CBC2	63CDH1	63CDL1	63CDT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 02/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 03/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 04/09	Sáng	1	CCD Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCD Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)		Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)	Kira: Thiết kế đồ hoạ với Adobe Illustrator -1-1-2024(N03) Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Máy điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng anh chuyên ngành Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.205)	Nhận xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.208)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308 PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	
		2	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)																	
		3	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)		CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)														
		4				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)														
		5				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)														
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)		Máy điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng anh chuyên ngành Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Soạn thảo văn bản điện tử Võ Lê Thu (H3.203_TH May tính)
		7																			
		8						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)													
		9						CCD Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)													
		10						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)													

LỚP			62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CBC1	63CDC2	63CDH1	63CDL1	63CDT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 05/09	Sáng	1	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107 Phòng học Trang bị điện - 2)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao ()	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng anh chuyên ngành Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.205)	Nhân xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.208)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Đồng cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308 PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	
		2	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)													
		3				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.408)															
		4	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)													
		5																			
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)						Máy điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng anh chuyên ngành Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.208)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lê Thu (H3.203_TH Máy tính)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 06/09	Sáng	1	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)			Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107 Phòng học Trang bị điện - 2)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng anh chuyên ngành Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.205)	Nhân xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.208)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Đồng cơ + SẢNH TẦNG 2)		
		2	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)																	
		3				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)														
		4	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)														
		5	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.407)														
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107 Phòng học Trang bị điện - 2)						Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.206)	Nhân xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.208)				Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lê Thu (H3.203_TH Máy tính)
		7																			
		8						Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)													
		9																			
		10																			
Thứ 7 07/09	Sáng	1	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)													
		2	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)																	
		3				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)													
		4	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)													
		5				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.408)															
	Chiều	6					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)														
		7																			
		8					Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)														
		9					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)														
		10					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.407)														

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 06: Từ 02/09 Đến 08/09/2024

LỚP			63TDC1	63TDC1A	63TDC2	63TDC3	63TDC4_YL	63TDC5_YL	63TDC6_YL	63TDC7_YL	63TDC8_BX	63TDC9_BX	63TDH1_YL	63TDH2_YL	63TDL1	63TDL1A	63TDL2	63TDT1	63TDT2	63TDT3_VT	63TDT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 02/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 03/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 04/09	Sáng	1			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()					Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()		Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (X22.307)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thảm (X22.107)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (X22.108)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Kỹ thuật cảm biến Trần Thị Thơm (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)										Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (X22.307)					
		7																			
		8	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)															
		9	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		CCD Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCD Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		10			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															

LỚP			63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 05/09	Sáng	1	Máy điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()					Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()			Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (X22.107)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (X22.108)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Lan (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		7			CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		8	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.307)															
		10																			
Thứ 6 06/09	Sáng	1	Máy điện Phan Thị Lý ()		Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()					Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()			Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (X22.107)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Tách: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-1-2024(N04) Dương Thanh Huế (...) Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N05) Đặng Duy Thanh (...)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng ()
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)														Tách: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-1-2024(N04) Dương Thanh Huế (...) Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N05) Đặng Duy Thanh (...)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng ()
		7																			
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		9																			
		10	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Lan (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
Thứ 7 07/09	Sáng	1					Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()					Máy điện Cao Thị Thu ()							Tách: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-1-2024(N04) Dương Thanh Huế (...) Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N05) Đặng Duy Thanh (...)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng ()
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)							Máy điện Cao Thị Thu ()							Tách: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-1-2024(N04) Dương Thanh Huế (...) Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N05) Đặng Duy Thanh (...)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng ()
		7																			
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)															
		9	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		10	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 06: Từ 02/09 Đến 08/09/2024

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 02/09	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 3 03/09	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 4 04/09	Sáng	1		Tiên Võ Minh Cường (TT.Tiến- Phay- bào)				Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.106)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.105)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.101)	Tiếng anh chuyên ngành Ta Văn Khoa (H3.206)			Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)	Lập trình căn bản Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Phan Hoàng Lan (H2.301_TH LR Máy tính)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hoa (H5.304)		Công nghệ chế tạo máy Võ Minh Cường (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Ktra: Tin học văn phòng 5-1-2024(ht02) Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	CCD Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCD Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	
		7																		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	
		8	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	
		9	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)									
		10					Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCD Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCD Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)								Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)	

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 05/09	Sáng	1		Tiên Võ Minh Cường (TT.Tiến- Phay- bào)				Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.106)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.105)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.101)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.206)			Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)	Lập trình căn bản Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Phan Hoàng Lan (H2.301_TH LR Máy tính)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Tiên Võ Minh Cường (TT.Tiến- Phay- bào)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Kora: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N02) Nguyễn Thị Hường (H3.201_TH KTXS)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCD Vật lý 11_1 Pham Thanh Mai (H5.301)	CCD Vật lý 11_1 Pham Thanh Mai (H5.301)	
		7															CCD Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCD Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	
		8	CCD Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				CCD Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)			
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.304)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.302)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.201)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.303)	
		10																				
Thứ 6 06/09	Sáng	1		Tiên Võ Minh Cường (TT.Tiến- Phay- bào)		Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()	Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.206)			Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiển ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.101)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.104)			Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)	Lập trình căn bản Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Phan Hoàng Lan (H2.301_TH LR Máy tính)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Công nghệ chế tạo máy Võ Minh Cường (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiển ()	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	
		7																				
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	
		9					Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)													Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	
		10	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)					CCD Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCD Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				CCD Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCD Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)			
Thứ 7 07/09	Sáng	1				Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiển ()										
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)			Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.302)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.302)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()		Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Vật lý 11_1 Pham Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Pham Thanh Mai (H5.301)	
		7					Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)						Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)									
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				CCD Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)								Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)	
		9	CCD Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				CCD Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.301)	
		10	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)						CCD Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)									

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 06: Từ 02/09 Đến 08/09/2024

LỚP			63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64TCCT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1A	64TDC1	64TDC2	64TDH1	64TDL1	64TDL1A	64TDP1	64TDT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 02/09	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 3 03/09	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 4 04/09	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hành (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.103)	Photoshop Võ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thi Thương (H3.204.TH KHÓA TIN)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KT.KS)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204) Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204) Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204) CCD Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301) Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301) Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306) Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306) Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.102) Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201) Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201) Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307) CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307) CCD Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307) Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401) Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401) CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302) Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302) Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302) CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.102) Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.402) Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402) Công nghệ 10_1 Hà Sĩ Khương (H5.402)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302) Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302) Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302) CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)
	Chiều	6		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thi Thuỷ (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)			Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	An toàn điện Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn điện Phạm Quang Thắng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Tin học Kim Thi Thương (H3.209.TH Tin học)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.205)	
		7				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)															
		8		Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)											
		9		Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)											
		10							CCD Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCD Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)											

LỚP			63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64TCCT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1A	64TDC1	64TDC2	64TDH1	64TDL1	64TDL1A	64TDP1	64TDT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 05/09	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TĂNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hành (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TĂNG 3)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.103)	Photoshop Võ Lê Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)	Ngô văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCD Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCD Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngô văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)
		2										Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)		Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)
		3											CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)								
		4										HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngô Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngô Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		5													Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh ()					Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh ()		
	Chiều	6		Ngô văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngô văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	An toàn điện Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn điện Phạm Quang Thắng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)		Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.105)
		7																				
		8		CCD Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCD Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCD Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)											
		9		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp (H5.306)											
		10																				
Thứ 6 06/09	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TĂNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hành (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TĂNG 3)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.103)	Photoshop Võ Lê Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Ngô văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)
		2											Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)				
		3										Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)
		4										Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	
		5												Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)					CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)
	Chiều	6		Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hương (H5.201)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)							Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)		Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)		Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.105)
		7																				
		8		Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)											
		9		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hương (H5.306)											
		10				CCD Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCD Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)														
Thứ 7 07/09	Sáng	1										Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		2														CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hoa (H5.401)					
		3										Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		4										Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)		Ngô văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)			Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.307)	CCD Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hoa ()		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hoa ()
		5										CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)		CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)			CCD Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	
	Chiều	6		Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)				Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)					Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)		
		7		CCD Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCD Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)											
		8		Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCD Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCD Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)		CCD Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCD Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCD Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)				Ngô Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)						Ngô Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	
		9				Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hoa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hoa (H5.303)	CCD Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)											
		10		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)			CCD Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)											

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 06: Từ 02/09 Đến 08/09/2024

LỚP			64TDT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TLD1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 02/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 03/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 04/09	Sáng	1	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
		2	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.102)										Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)					
		3			Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)		CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)
		4			Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)								CCD Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)							Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		5	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	CCD Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
	Chiều	6																			
		7																			
		8				Tách: Tin học-1-1-2024(N34) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-1-24(N12) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)			Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H3.208)	Tách: Tin học-1-1-2024(N33) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.203_TH Tin Đại cương) Tin học-1-1-24(N32) Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	An toàn và môi trường Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	An toàn và môi trường Nguyễn Tuấn Hưng (H2.301_TH LR Máy tính)	An toàn và môi trường Lê Thị Châm (H3.101)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.205)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)
		9																			
		10																			

LỚP			64TDT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TLD1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 05/09	Sáng	1	CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		CCD Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCD Vật lý 10_1 Chu Thị Tỉnh (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	CCD Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCD Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tỉnh (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tỉnh (H5.403)
		3	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)							Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)				Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)		
		4	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngô Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tỉnh (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tỉnh (H5.403)
		5		Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh ()																	
	Chiều	6		Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)		Tách: Tin học-1-1-2024(N34) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-1-24(N12) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Tách: Tin học-1-1-2024(N35) Lê Hoàng (H3.110_TH THCB) Tin học-1-1-24(N13) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H3.204.TH KHOA TIN)	Tách: Tin học-1-1-2024(N33) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.203_TH Tin Đại cương) Tin học-1-1-24(N32) Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	An toàn và môi trường Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)		An toàn và môi trường Lê Thị Châm (H2.301_TH LR Máy tính)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)		Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.104)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.205)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 06/09	Sáng	1	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Ngô Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Ngô Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Ngô Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Ngô văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngô văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)		Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)			Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		3	CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)						Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)					CCD Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCD Vật lý 10_1 Chu Thị Tỉnh (H5.403)	CCD Vật lý 10_1 Chu Thị Tỉnh (H5.403)
		4	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tỉnh (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)					Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)				Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.106)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)	Tách: Tin học-1-1-2024(N34) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-1-24(N12) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Tách: Tin học-1-1-2024(N35) Lê Hoàng (H3.110_TH THCB) Tin học-1-1-24(N13) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H3.204.TH KHOA TIN)	Tách: Tin học-1-1-2024(N33) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.203_TH Tin Đại cương) Tin học-1-1-24(N32) Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	An toàn và môi trường Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)		An toàn và môi trường Lê Thị Châm (H2.301_TH LR Máy tính)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.106)					Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.104)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 07/09	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.103)	Ngô văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.103)	Ngô văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngô Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2				Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCD Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)			CCD Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)						
		3	Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)			Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.402)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)
		4			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCD Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)			Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.307)				Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Ngô văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5			CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)					Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)			Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		CCD Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Ngô văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		CCD Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCD Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6		Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)								Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)									
		7		Ngô Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)																	
		8																			
		9																			
		10																			